

Giấy giải thích về truyền máu/輸血療法に関する説明書

1. Truyền máu là gì?? / 輸血療法とは

Truyền máu là liệu pháp bổ sung khi tính năng và lượng của các thành phần trong máu (hồng cầu, tiểu cầu, protein, các yếu tố đông máu v.v.) sụt giảm nhằm mục đích bổ sung các thành phần đó, đây là một phương pháp điều trị quan trọng.

輸血療法とは、血液中の各成分（赤血球、血小板、蛋白成分、血液凝固因子など）の機能や量が低下した時にその成分を補うことを目的とした補充療法で、重要な治療法の一つです

Truyền máu đi kèm với các nguy cơ nhất định nên chỉ tiến hành trong trường hợp hiệu quả từ truyền máu được kỳ vọng.

輸血療法は一定のリスクを伴うので、輸血によって効果が期待される場合のみ行います

2. Thích hợp để truyền máu / 輸血療法の適応

Trường hợp bệnh nhân không thể tự mình tạo đủ máu./ 患者様自身で十分な血液を造れない場合

Trường hợp chảy máu nhiều vì bệnh, phẫu thuật, vết thương v.v. và phát sinh nguy hiểm đến tính mạng./ 疾患や手術、外傷などで大量出血があり、生命に危険が生じる場合

3. Về các loại chế phẩm máu / 各種の血液製剤について

<<Chế phẩm hồng cầu>> được dùng khi ở tình trạng thiếu máu, không đủ hồng cầu./ 《赤血球製剤》は、赤血球が不足している貧血状態の時に用います。

Giấy giải thích về truyền máu/輸血療法に関する説明書

止血に重要な働きをします。

<<Chế phẩm phân đoạn huyết tương>> được dùng trong trường hợp yếu tố đông máu thiếu, lượng huyết tương tuần hoàn giảm thiểu./《血漿分画製剤》は、血液凝固因子の欠乏、循環血漿量が減少した場合に用います。

<<Chế phẩm máu toàn phần>> là loại bao gồm tất cả thành phần trong máu, được dùng trong các trường hợp như chảy máu nhiều hay tình trạng sốc v.v./《全血製剤》は、血液の全ての成分を含んだもので、大量出血やショック状態の場合などに用います。

4.Các chọn lựa trong truyền máu / 輸血療法の選択肢

Trường hợp có thể điều trị bằng thuốc v.v. thì có khi xem xét quá trình mà không tiến hành truyền máu./薬剤などで治療が可能な場合は、輸血療法を行わず経過を見ることがあります。

Trong truyền máu có truyền máu cùng loại truyền máu của người khác nhờ hiến máu và truyền máu tự thân sử dụng máu của mình./輸血には献血による他人の血液を輸血する同種血輸血と、自分の血液を使う自己血輸血があります。

Trường hợp cần truyền máu, về nguyên tắc, chỉ truyền thành phần máu cần thiết./輸血療法が必要な場合は、原則として必要な成分のみを輸血します。

1. Truyền máu cùng loại / 同種血輸血

Truyền chế phẩm máu như chế phẩm hồng cầu, chế phẩm tiểu cầu, huyết tương đông kết tươi v.v. được cung cấp từ Trung tâm Máu Chữ thập đỏ Nhật Bản và về nguyên tắc chỉ truyền thành phần cần thiết. Về nguyên tắc, trước tiên truyền lượng tối thiểu thành phần cần thiết.

赤血球製剤、血小板製剤、新鮮凍結血漿など日本赤十字血液センターから供給される血液製剤を、原則として必要な成分のみを輸血します。原則としてまず必要な成分を最小量輸血します。

2. Truyền máu tự thân / 自己血輸血

Là trữ sẵn máu của mình trước phẫu thuật và được cho là ít tác dụng phụ so với truyền máu cùng loại.

Giấy giải thích về truyền máu/輸血療法に関する説明書

Cung có khi sử dụng chung với truyền máu cùng loại nhưng thay máu mới.

手術前に採血して貯血しておくものです。副作用は同種血輸血にくらべて少ないとされています。しかし、通常全身状態が良く、かつ感染等の合併症がない外科手術の患者様に限られ、患者様によっては行えない場合もあります。患者様によっては行えない場合もあります。出血量が多ければ同種血を併用することもあります。

5. Về sự nguy hiểm trong trường hợp không được truyền máu / 輸血療法を受けない場合の危険性について

Trường hợp thiếu hồng cầu, bị tình trạng thiếu máu cao độ thì ôxy không đi đến các cơ quan nội tạng, có khi tình trạng trở nên nghiêm trọng. Cũng có trường hợp nguy hiểm đến tính mạng do thiếu máu cao độ./ 赤血球が欠乏し高度の貧血状態になった場合、各臓器に酸素が行き渡らなくなり、重篤な状態になることがあります。高度の貧血により致死的となる場合もあります。

Trường hợp thiếu tiểu cầu hay yếu tố đông máu thì có trường hợp phát sinh chảy máu nghiêm trọng.

Trường hợp dẫn đến việc chảy máu nghiêm trọng thì có khi tử vong hoặc rối loạn cao độ./ 血小板や血液凝固因子が不足した場合は、重篤な出血を生じる場合があります。重篤な出血をきたした場合、死亡あるいは高度の障害を起こすことがあります。

Trường hợp lượng huyết tương tuần hoàn và lượng máu tuần hoàn giảm thiểu thì có trường hợp huyết áp giảm, gây nguy hiểm đến tính mạng./ 循環血漿量や循環血液量が減少した場合は、血圧が低下し、生命に危険を及ぼす場合があります

6. Sự nguy hiểm của truyền máu / 輸血療法の危険性

Chế phẩm máu được Hội Chữ Thập Đỏ Nhật Bản xét nghiệm trong khả năng có thể ở hiện tại và được kiểm tra tính an toàn. Do đó, sự nguy hiểm về bệnh truyền nhiễm sau khi truyền máu (viêm gan B, viêm gan C, AIDS v.v.) là cực kỳ thấp. Nhưng không phải hoàn toàn không có./ 血液製剤は、日本赤十字社で現在可能な限りの検査が行われ、安全性の確認が行われています。よって、輸血後の感染症（B型肝炎、C型肝炎、エイズなど）の危険性は極めて低いですが、全くないわけではありません。

As transfusion therapy uses other people's blood, immune reactions may cause some adverse reactions; mild ones such as hives, chills, or fever, or in some cases severe adverse reactions such as hemolytic

Giấy giải thích về truyền máu/輸血療法に関する説明書

によつては里馬な副作用（谷血は輸血及ルいふ）が起る可能性がめりあり。また、頻りに血小板輸血を行うと血小板に対する抗体が産生され、血小板不応状態（輸血しても効果が得られない状態）になることもあります。代表的な副作用を下記に示します。

▶ Bị sốt, nổi mề đay/発熱、蕁麻疹、Hen suyễn/喘息、Tình trạng sốc (hạ huyết áp, khó thở)/
ショック状態(血压低下、呼吸困難)、Viêm gan B, C/B・C型肝炎、Viêm gan không phải B không phải C/非B・非C型肝炎、Vi-rút chưa được biết đến/HTLV-I・HIV・未知ウイルス、Bệnh ghép chống chủ do truyền máu/輸血後移植片対宿主病 (GVHD)、Sinh ra kháng thể miễn dịch/免疫抗体の生産、Bệnh giang mai / Sốt rét / Phản ứng thiếu hụt IgA/梅毒・マラリア・IgA・欠損アナフィラキシー反応

Trường hợp lượng huyết tương truyền hoàn và lượng máu truyền hoàn giảm thiểu thì có trường hợp huyết áp giảm, gây nguy hiểm đến tính mạng./ 循環血漿量や循環血液量が減少した場合は、血压が低下し、生命に危険を及ぼす場合があります。

Sau khi truyền máu mà bạch cầu trong chế phẩm máu (bạch huyết bào) tấn công và phá hủy các cơ quan nội tạng của bệnh nhân thì GVHD (bệnh ghép chống chủ) xảy ra, trở thành tác dụng phụ nguy hiểm đến tính mạng. Hiện nay, do phương pháp điều trị được cho là có hiệu quả đối với GVHD sau khi truyền máu chưa được xác lập nên dự phòng phát bệnh là phương pháp xử lý duy nhất.

血液製剤中の白血球（リンパ球）が、患者様の各種臓器を攻撃・破壊する輸血後GVHD（移植片対宿主病）が起こることがあり、致命的な副作用になります。現在、輸血後GVHDに対して有効とされる治療法が確立されていないため発症予防が唯一の対処方法です。

7. / 危険性に対する対応

Chế phẩm máu được cung cấp bởi Hội Chữ Thập Đỏ Nhật Bản, về nguyên tắc đã được tiến hành chiếu xạ tia phóng xạ vào chế phẩm máu để dự phòng GVHD sau truyền máu.

日本赤十字社より供給される血液製剤は、原則として輸血後GVHDを予防するために血液製剤への放射線照射を行っています

Giấy giải thích về truyền máu/輸血療法に関する説明書

phẩm nhũ đầu tiên, cố gắng ngăn chặn tai nạn.

輸血に先立ち、患者様に適した製剤であることを検査、確認してから投与しています。また、投与に至るまでには医師、看護師、技師により数回の製剤確認を行い、事故防止に努めています。

8. Biện pháp xử lý khi khẩn cấp / 緊急時の対処

Trường hợp trong tình trạng khẩn cấp đe dọa đến tính mạng và trường hợp được công nhận là cần truyền máu trong quá trình điều trị thì sẽ tiến hành truyền máu theo đánh giá của bác sĩ điều trị chính. Ngay cả trường hợp không có nguyện vọng truyền máu, nghĩa là trường hợp mà cả bệnh nhân và người nhà đều không đồng ý nhưng là trường hợp cần truyền máu cứu mạng mang tính nhân đạo thì sẽ tiến hành truyền máu (không truyền máu tương đối). Trường hợp không thể tán đồng phương châm này thì dựa trên cơ sở “Giấy giải thích về việc từ chối truyền máu và chế phẩm phân đoạn huyết tương (chế phẩm có nguồn gốc sinh vật cụ thể)” riêng để khuyến cáo chuyển viện.

生命を脅かす緊急事態の場合や治療経過中に輸血が必要と認めた場合は、主治医の判断によって輸血療法をおこないます。輸血を希望されない場合、すなわち、本人や家族の同意が得られない場合でも、人道的に救命のための輸血が必要な場合は、輸血を行います（相対的無輸血）。この方針に賛同できない場合、別紙の「輸血や血漿分画製剤（特定生物由来製品）投与拒否に関する説明書」に基づき、転院を勧告します。

9. Chế độ hỗ trợ tai nạn tác dụng phụ / bệnh truyền nhiễm và điều kiện trợ cấp 副作用・感染症被害救済制度と給付の条件

Dù đã sử dụng chế phẩm máu phù hợp nhưng vì chế phẩm đó là nguyên nhân mà mắc bệnh truyền nhiễm hay bị tác dụng phụ, bị thiệt hại về sức khỏe như bị bệnh hay rối loạn v.v. ở mức độ cần nhập viện điều trị thì có chế độ tiến hành trợ cấp như chi phí y tế, trợ cấp y tế, lương hưu khuyết tật v.v. Vui lòng liên hệ để biết thêm chi tiết.

血液製剤を適正に使用したにも関わらず、その製品が原因で感染症や副作用にかかり入院治療が必要な程度の疾病や障害等の健康被害を受けた方のために、医療費、医療手当、障害年金などの給付を行う制度があります。詳細はお問い合わせください。

10. Xét nghiệm bệnh truyền nhiễm và bảo quản mẫu xét nghiệm

Giấy giải thích về truy ền máu/輸血療法に関する説明書

Để kiểm tra có bị lây nhiễm vi-rút do truy ền máu hay không, trước khi truy ền máu sẽ tiến hành xét nghiệm vi-rút viêm gan (loại B, loại C) và vi-rút HIV v.v. Việc xét nghiệm có bị lây nhiễm vi-rút hay không ngay cả sau khi truy ền máu (sau 3tháng) cũng được khuyến khích. Ngoài ra, để xét nghiệm những bệnh truy ền nhiễm này, mẫu máu đã thu sẽ được bảo quản một thời gian nhất định (khoảng 1 năm trở lên) để đi ều tra nguyên nhân nếu phát bệnh truy ền nhiễm vi-rút do truy ền máu, hoặc làm sáng tỏ nguyên nhân trong trường hợp phát sinh tác dụng phụ do truy ền máu.

輸血によるウイルス感染の有無を確認するために、輸血前に肝炎ウイルス（B型、C型）やエイズウイルスなどの検査を行います。輸血後（3カ月後）にもウイルス感染の有無を検査することが推奨されています。また、これらの感染症検査のために採取した血液検体は、輸血によってウイルス感染症が発症した場合にその原因を調査するため、輸血で副作用が発生した場合の原因究明のために、一定期間（約1年以上）保管させていただきます。

11.Cung cấp thông tin cho bên sản xuất 製造元への情報の提供

Trường hợp được công nhận là cần để ngăn chặn phát sinh hoặc phát triển nguy hiểm sau khi truy ền máu thì có khi phải cung cấp thông tin cho bên sản xuất nên vui lòng thông cảm.

輸血後に危害の発生又は拡大防止のために必要と認められた場合は、製造元へ情報提供することがありますので、ご了承ください

12.Bảo quản hồ sơ / 記録の保管

Hồ sơ liên quan đến truy ền máu được phát luật quy định là bảo quản 20 năm kể từ ngày sử dụng.

輸血に関連した記録は、使用日から 20 年間保存されることが、国内法で規定されています

Giấy giải thích về truyền máu/輸血療法に関する説明書

*Chúng tôi đã giải thích khái quát về truyền máu nhưng việc truyền máu trong thực tế sẽ khác nhau tùy vào bệnh và tình trạng bệnh của từng bệnh nhân. Do đó, nếu có điều gì không rõ, vui lòng hỏi bác sĩ điều trị chính.

以上、輸血療法の概略を説明しました。しかし、実際の輸血は患者様一人一人の病気や病態によって異なります。よって、ご不明な点などありましたら主治医にお聞きください。

*Tôi đã được giải thích đầy đủ và hiểu về nội dung ghi trên.

上記の内容につき十分な説明を受け、理解しました

2021/04/14

Ngày / tháng / năm

Ký tên _____

Tài liệu này được soạn thảo dưới sự giám sát của các bác sĩ và chuyên gia pháp luật v.v. nhưng nếu có phát sinh sự khác biệt trong việc lý giải từ ngữ của Nhật Bản và nước ngoài cũng như chế độ v.v. thì ưu tiên bản tiếng Nhật.
本資料は、医師や法律の専門家等の監修を受けて作成されておりますが、日本と外国の言葉や制度等の違いにより解釈の違いが生じた際には、日本語を優先とします。

出典：厚生労働省ホームページ